

Số: 228 /BC-STC

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2017

Căn cứ Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

Căn cứ Thông tư 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 6105/UBND-KT3 ngày 10/8/2017 về việc báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2017;

Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2017 như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu NSNN trên địa bàn dự toán là 33.810.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 13.476.938 triệu đồng, đạt 40% dự toán và bằng 88% so cùng kỳ. Trong đó:

1. Thu nội địa: Dự toán là 30.718.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 11.673.558 triệu đồng, đạt 38% dự toán và bằng 85% so cùng kỳ. Kết quả thu nội địa trong một số lĩnh vực chủ yếu đạt được cụ thể như sau:

- *Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước:* Dự toán là 244.100 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 121.821 triệu đồng, đạt 50% dự toán và bằng 102% so cùng kỳ.

- *Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:* Dự toán là 27.751.800 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 9.691.403 triệu đồng, đạt 35% dự toán và bằng 81% so cùng kỳ.

- *Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:* Dự toán là 989.400 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 465.231 triệu đồng, đạt 47% dự toán và bằng 97% so cùng kỳ.

- *Thu tiền sử dụng đất:* Dự toán là 600.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 615.482 triệu đồng, đạt 103% dự toán và bằng 131% so cùng kỳ.

2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: Dự toán là 3.000.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 1.712.066 triệu đồng, đạt 57% dự toán và bằng 114% so cùng kỳ.

3. Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước: Dự toán là 92.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 90.774 triệu đồng, đạt 99% dự toán và bằng 123% so với cùng kỳ.

II. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương dự toán là 16.667.459 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 6.974.083 triệu đồng, đạt 42% dự toán và bằng 128% so cùng kỳ.

1. Chi cân đối ngân sách:

Tổng chi cân đối ngân sách dự toán là 15.920.056 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 6.974.083 triệu đồng đạt 44% dự toán và bằng 128% so cùng kỳ

1.1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán là 5.345.200 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 3.890.631 triệu đồng, đạt 73% dự toán và bằng 142% so cùng kỳ.

1.2. Chi thường xuyên: Dự toán là 10.215.746 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 3.054.266 triệu đồng, đạt 30% dự toán và bằng 113% so cùng kỳ.

1.3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: Dự toán là 40.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 16.839 triệu đồng đạt 42% so với dự toán.

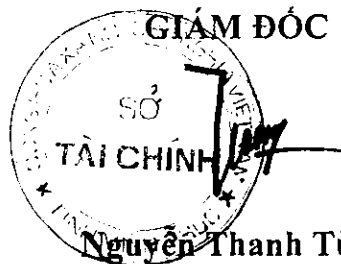
(Chi tiết tại biểu số 59, 60, 61/CK-NSNN đính kèm)

h

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Lưu VT, QLNS.

NP



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 06 THÁNG NĂM 2017



ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 06 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	33.810.000	13.476.398	40	88
I	Thu cân đối NSNN	33.718.000	13.385.624	40	88
1	Thu nội địa	30.718.000	11.673.558	38	85
2	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	3.000.000	1.712.066	57	114
B	TỔNG CHI NSDP	16.667.459	6.974.083	42	128
I	Chi cân đối NSDP	15.920.056	6.974.083	44	128
1	Chi đầu tư phát triển	5.345.200	3.890.631	73	142
2	Chi thường xuyên	10.215.746	3.054.266	30	113
3	Chi trả nợ các khoản do chính quyền địa phương vay	40.000	16.839	42	
4	Chi viện trợ	0	12.347		
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.510			
6	Dự phòng ngân sách	317.600			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	655.403			
C	BỘI CHI NSDP	40.000			
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	182.510	97.953	54	

H

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 06 THÁNG NĂM 2017

ĐVT: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 06 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	33.810.000	13.476.398	40	88
I	Thu nội địa	30.718.000	11.673.558	38	85
1	Thu từ khu vực DNNN	244.100	121.821	50	102
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	27.751.800	9.691.403	35	81
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	989.400	465.231	47	97
4	Thuế TN cá nhân	456.000	279.741	61	130
5	Thuế BVMT	315.000	161.491	51	108
6	Lệ phí trước bạ	118.000	141.107	120	99
7	Thu phí lệ phí	34.000	57.636	170	166
8	Các khoản thu về nhà, đất	673.000	678.875	101	114
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		12		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.000	8.208	63	82
-	Thu tiền sử dụng đất	600.000	615.482	103	131
-	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	60.000	54.958	92	50
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		215		15
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	5.000	9.985	200	128
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	18.000	10.080	56	93
11	Thu tại xã	10.000	16.961	170	182
12	Thu khác ngân sách	103.700	39.227	38	54
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	3.000.000	1.712.066	57	114
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.100.000	1.254.489	60	118
2	Thuế xuất khẩu	1.000	2.908	291	775
3	Thuế nhập khẩu	895.000	446.848	50	101
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	3.000	6.941	231	5.598
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	1.000	457	46	108
6	Thu khác		423		29
III	CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QL QUA NSNN	92.000	90.774	99	107
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	15.880.055	6.417.899	40	75
1	Từ các khoản thu phân chia	15.006.576	5.482.094	37	71
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	873.479	935.805	107	107

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 06 THÁNG NĂM 2017



ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 06 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSĐP (A+B+C)	16.667.459	6.974.083	42	128
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	15.920.056	6.974.083	44	128
I	Chi đầu tư phát triển	5.345.200	3.890.631	73	142
1	Chi đầu tư XDCB	4.727.200	3.890.631	82	142
2	Chi từ nguồn sử dụng đất	600.000			
3	Chi đầu tư từ nguồn XSKT	18.000	0	0	
II	Chi thường xuyên	10.215.746	3.054.266	30	113
	Trong đó				
1	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề	2.995.605	988.118	33	104
2	Chi khoa học và công nghệ	41.390	10.705	26	158
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	988.256	278.666	28	113
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	146.906	32.310	22	48
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	46.130	14.582	32	85
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	76.647	25.470	33	123
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	286.569	42.810	15	104
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.876.213	625.130	22	207
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.506.704	623.415	41	102
10	Chi bảo đảm xã hội	621.757	228.183	37	99
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	40.000	16.839	42	
IV	Chi viện trợ		12.347		
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.510			
VI	Dự phòng ngân sách	317.600			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	655.403			
1	Chương trình mục tiêu QG				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	599.583			
3	Thực hiện chính sách mới	3.500			
4	Bổ sung có mục tiêu	52.320			
C	CÁC KHOẢN THU ĐỀ LẠI ĐƠN VỊ CHI QL QUA NSNN	92.000			

H

